



LỜI VĂN TRẦN THUẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NAM CAO

Phạm Thị Lương¹

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Bạc Liêu

Thông tin chung:

Ngày nhận: 12/07/2014

Ngày chấp nhận: 29/08/2014

Title:

Narrative speech in Nam Cao's short story

Từ khóa:

Truyện ngắn, lời văn trực tiếp, lời văn gián tiếp, lời văn trần thuật, phong cách hóa, chủ thể trần thuật

Keywords:

Short story, direct speech, indirect speech, narrative speech, stylization, the narrator

ABSTRACT

Approaching the aspects of the narrative speech, the writer would like to point out one of the factors for the success in Nam Cao's short stories. Conspicuously, the narrative speech in his stories was very vivid and flexible shifts. He had to take advantage, the ability to express of direct speech and indirect speech for constructing his works. The mixture of the forms of the narrative speech helps to organize vividly the complex aspects of life in his short stories.

TÓM TẮT

Tiếp cận trên phương diện lời văn trần thuật, người viết muốn chỉ ra một trong những yếu tố làm nên thành công cho truyện ngắn của Nam Cao. Dễ thấy, lời văn trần thuật trong truyện ngắn Nam Cao hết sức sinh động và biến chuyển linh hoạt. Ông đã tận dụng ưu thế, khả năng biểu hiện của lời văn trực tiếp và lời văn gián tiếp để xây dựng tác phẩm. Việc kết hợp đan xen những hình thức phong phú của lời văn trần thuật giúp cho Nam Cao có điều kiện tổ chức sinh động các khía cạnh phức tạp của đời sống trong truyện ngắn của mình.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Nam Cao (1917 - 1951) là một nhà văn hiện thực xuất sắc, người đã dốc cạn tâm lực của mình vào những trang văn chứa chan biết bao nhân đạo. Ngày nay, đọc những truyện ngắn của ông, ta vẫn còn thấy nóng hổi chất sống hiện thực. Tìm hiểu nghệ thuật trần thuật trong truyện ngắn Nam Cao, người nghiên cứu thường chú ý đến các phương diện về chủ thể trần thuật; cấu trúc trần thuật; lời văn và giọng điệu trần thuật. Lời văn trần thuật là một yếu tố giữ vai trò vô cùng quan trọng trong kiến tạo tác phẩm. Chính vì thế, các nhà văn không ngừng nỗ lực sáng tạo để lời văn trần thuật luôn phát huy được thế mạnh trong việc góp phần làm nổi bật chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. Truyện ngắn Nam Cao thể hiện một sự sáng tạo đầy nghệ thuật trong các dạng thức lời văn trần thuật. Nhờ thế, ông đã có được một phong cách truyện ngắn rất

riêng so với các nhà văn viết theo khuynh hướng hiện thực cùng thời.

2 NỘI DUNG

2.1 Dạng lời văn trực tiếp trong truyện ngắn nam cao

Các nhà lý luận văn học đã chỉ ra những dạng phổ biến của lời văn trần thuật trong các tác phẩm tự sự như: lời tác giả và lời nhân vật hay lời trực tiếp và lời gián tiếp. Trong đó, lời văn trực tiếp được xem là "lời do nhân vật hoặc do tác giả - những con người trực tiếp nói lên trong tác phẩm" (Phương Lựu, 1997). Do vậy, lời trực tiếp trong tác phẩm tự sự chủ yếu là những câu thoại và chúng đảm nhận nhiều chức năng quan trọng. Trong đó, lời trực tiếp của cái tôi tác giả thường thuộc về những đoạn trữ tình ngoại đề, hay những lời phẩm bình, triết lý. Trong lời trực tiếp của nhân vật lại thường được tìm hiểu ở hai dạng cơ bản là lời đối

thoại trực tiếp giữa các nhân vật trong tác phẩm và lời nội tâm của nhân vật khi tự nói với chính mình.

Trước hết, tìm hiểu kiểu lời trực tiếp trong truyện ngắn của Nam Cao, chúng tôi sẽ đi tìm hiểu kiểu lời trực tiếp của nhân vật. Với việc sử dụng triệt để ngôn ngữ vùng đồng bằng Bắc Bộ, với kiểu câu văn ngắn mà đậm ý, Nam Cao đã tạo ra những đoạn đối thoại đầy ý vị, đầy kịch tính, đầy gián dị nhưng không kém phần hấp dẫn đối với bạn đọc. Lời văn đặt trong mỗi nhân vật rất phù hợp với giai cấp, với hoàn cảnh cá nhân, với cuộc đời, với suy nghĩ của riêng họ. Thông qua đối thoại trực tiếp các nhân vật tự bộc lộ mình trong sự va chạm với các nhân vật khác, và bộc lộ bản chất của mình trong sự va chạm với chính “nửa kia” của mình thông qua đối thoại và độc thoại nội tâm.

Viết về đề tài người nông dân, Nam Cao đã cho thấy một khả năng am hiểu sâu sắc ngôn ngữ của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bằng sự chọn lựa và sáng tạo khéo léo, Nam Cao đã đưa ngôn ngữ ấy vào tác phẩm của mình. Thông qua đó, nhân vật bộc lộ tất cả sự chân thật, chất phác, mộc mạc như chính con người thực bước vào tác phẩm. Đằng sau tất cả những câu nói có vẻ thô ráp, chông lòn là cái chất nông dân mộc mạc, và cái lo vén cho việc làm kiếm cái ăn hằng ngày. Hãy xem cách xưng hô, và cách đối thoại của họ:

– “Mày chết đi!...Mày chết đi!...Mày chết đi cho rồi!...”

– Ô hay! Cái gì mà ghê gớm thế? Anh cu Thiêm quắc mắt, toan quát lên với vợ. Nhưng vợ anh rên rĩ:

– Trời ơi là trời! Mày giết tao!...Mày giết tao!...Có một tí khung cửi thì mày đem mày bán

– Mẹ! Không có sợi, không bán thì để để mà thờ ông tổ nhà mày hở? (*Thôi, đi về...*)

Bên cạnh việc bộc lộ tính cách, lời văn trực tiếp cũng có khả năng biểu hiện nội tâm, tình cảm của nhân vật. Nam Cao hiểu thấu cả nỗi lòng, tình cảm người nông dân, nên ông cố gắng miêu tả một cách sinh động, chân thực qua tiếng nói của họ. Đoạn lão Hạc trò chuyện với cậu Vàng trong truyện ngắn *Lão Hạc* là đoạn thể hiện hết sức xúc động:

– “Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố! Con chó tưởng chủ mắng vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa.

– Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dí:

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhi!...Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết. Ông để cậu Vàng ông nuôi...”

(*Lão Hạc*)

Trong đoạn trên, chỉ có lời của lão Hạc, còn sự giao tiếp của cậu Vàng là những cử chỉ, hành động mà chỉ có lão Hạc mới tưởng tượng ra, vì lão đang chọn nó làm đối tượng để độc bầu tâm sự. Qua lời của lão Hạc, qua sự ngưng nghỉ giữa các ngôn từ bằng các dấu ba chấm ở cuối mỗi câu nói cho thấy một cách xúc động nỗi lòng, tình cảm của lão Hạc dành cho con và cho cậu Vàng. Bao nhiêu tình cảm, và tâm tư của lão dồn nén trong những câu nói và cách xưng hô đầy triu mến ấy.

Chẳng những viết về những người nông dân trong cảnh đói khổ, Nam Cao cũng thường xuyên viết về người trí thức tiểu tư sản trong cảnh túng thiếu, bị nỗi lo cơm áo ghi sát đất. Họ cũng có những lo lắng tụn mồn, cũng chật vật vì cuộc mưu sinh. Người trí thức trong truyện ngắn Nam Cao cũng luôn dằn vặt bản thân và có những phút giây thú nhận sự tàn nhẫn của mình với những người xung quanh:

“Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

– Anh...anh...chỉ là...một thằng...khốn nạn!...

– Không!...Anh chỉ là một người khổ sở!...Chính vì em mà anh khổ...”

(*Đời Thừa*)

Lời văn trực tiếp ở đây đã cùng một lúc làm nổi bật lên hai tâm trạng của hai nhân vật Từ và Hộ. Người trí thức bên ngoài thì thú nhận sự khốn nạn của mình với vợ con, bên trong chất chứa đau đớn, tủi hổ. Từ hiểu được tâm trạng của chồng, chị thông cảm với chồng, và chị cũng mang nặng tâm lý dằn vặt vì nghĩ rằng chính vì gần cuộc đời mình với Từ nên Hộ mới trở thành người khổ sở như thế.

Sau năm 1945, Nam Cao có một số tác phẩm khá tiêu biểu có sử dụng những đoạn đối thoại trực tiếp giữa các nhân vật nhằm làm nổi bật lên vị trí, giai cấp, tính cách của chính nhân vật phát ngôn trong đó như : *Đôi mắt*; *Mò sâm banh*. Lời thoại giữa các nhân vật trong *Đôi mắt* thông thường khá dài dòng chứ không phải là những câu thoại ngắn. Bởi vì hai nhân vật chính tham gia vào các đoạn

hội thoại là nhà văn Hoàng và Độ. Hoàng nói chuyện với Độ nhưng thực chất là kể lể tất cả những điều anh ta cho là lỗi bịch và bi quan về người nông dân, về cách mạng. Qua lời nói của Hoàng, tính cách của anh ta được bộc lộ sắc nét hơn bao giờ hết.

Một tiêu loại khác của dạng lời văn trực tiếp là lời nội tâm. Truyện ngắn Nam Cao có đặc trưng là có kết cấu và cốt truyện tâm lý, rất nhiều truyện nương theo yếu tố tâm lý để kể chuyện. Để đạt được hiệu quả nghệ thuật cao, nhà văn phải sử dụng khéo léo một số lượng không nhỏ lời nội tâm nhân vật. Chính nhờ kiểu lời văn này mà nhân vật bộc lộ rất tinh tế những suy nghĩ, tư tưởng, dòng nội tâm, tình cảm riêng tư của nhân vật. Đặc biệt là những sáng tác ở giai đoạn trước năm 1945, kiểu lời văn này được Nam Cao sử dụng khá thành công và tận dụng triệt để những chức năng biểu hiện của nó. Nhờ thế người đọc khám phá nhân vật dễ dàng ở những chiều sâu tâm trạng và tính cách nhân vật. Với những truyện ngắn có kết cấu tâm lý, lời nội tâm luôn chiếm vị trí chủ đạo trong toàn truyện. Khi thì là độc thoại nội tâm, khi thì chính nhân vật tự đối thoại với mình trong suy nghĩ. Có thể kể đến các truyện như: *Chí Phèo*; *Cái mặt không chơi được*; *Giăng sáng*; *Đôi móng giò*; *Mua nhà*; *Từ ngày mẹ chết*; *Điếu văn*; *Đời thừa*; *Cười*; *Nước mắt*;...

Ở *Chí Phèo*, mỗi nhân vật đều hiện lên với vẻ sống động qua lời nội tâm. Chí Phèo sau khi rạch mặt ăn vạ được Bá Kiến “xử mềm”, đã có vẻ tinh táo và anh ta tự đối thoại với chính mình bằng những phân tích rạch ròi trong suy nghĩ về việc kẻ đã đẩy hắn vào tù và đang xử nhữn với hắn: “Cái thằng Bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đốn cái nước gì mà chịu lép như trâu thê? Thôi đại gì mà vào miệng cạp, hấn cứ đứng đây này, cứ lại lẩn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào... Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm nó có giờ què, hấn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hấn coi là thường. Thôi cứ vào...”.

Có những truyện ngắn Nam Cao sử dụng với mật độ dày đặc các lời nội tâm nhân vật. Có những truyện thì lời trực tiếp là chủ đạo đôi lúc tác giả điểm xen kẽ những lời nội tâm để tạo điều kiện cho nhân vật có cơ hội suy ngẫm, chiêm nghiệm và tự do bày tỏ những suy nghĩ riêng tư của mình, nhân vật có điều kiện nhìn vào chính mình để điều chỉnh nhận thức, hành vi và thái độ đối với hiện thực. Người đọc, trên cơ sở đó cũng có điều kiện tìm

hiểu nhân vật đa diện, đa chiều hơn và tiếp cận tác phẩm ở nhiều góc cạnh hơn.

Trong phạm vi những truyện ngắn về đề tài người trí thức tiểu tư sản, Nam Cao thường làm nổi bật lên những mâu thuẫn trong gia đình của họ. Từ mâu thuẫn gia đình Nam Cao tìm đến bi kịch của người trí thức. Không phải là bi kịch bị tước đoạt quyền làm người lương thiện, không phải là bi kịch bị miếng ăn làm nhục, mà cái bi kịch của người trí thức là bi kịch bị gánh nặng cơm áo “ghì sát đất”, bi kịch của những con người muốn cống hiến cho nghề nghiệp nhưng cứ phải canh cánh nỗi lo cơm áo gạo tiền,... Tất cả những điều đó khiến người trí thức của Nam Cao cứ quần quanh mãi trong cái góc hẹp của không gian sống gia đình, để bao nhiêu sự bức bối, ngột ngạt cứ đè nặng lên cuộc sống tù túng của họ. Những người trí thức trong *Đời thừa*; *Nước mắt*; *Cười*,... có chung bi kịch ấy.

Người trí thức trong *Nước mắt* trải qua những căng thẳng ghê gớm trong mâu thuẫn gia đình và những va chạm ngoài xã hội. Anh triền miên trong những căng thẳng, xung đột ấy. Nhưng cứ sau mỗi cuộc xung đột gay gắt anh lại bình tĩnh soi vào tận tâm can mình để nhìn nhận tất cả những điều đã xảy ra. Anh tìm đến nguyên nhân của mâu thuẫn để tự giải quyết bằng những nỗ lực trong mạch nội tâm để từ đó anh thông cảm cho sự bức tức của vợ: “Sự khổ sở dễ khiến lòng chua chát. Khi người ta lam lũ quá, lại còn lo trăm thứ, bị làm rầy vì trăm thứ, thì ai mà bình tĩnh được? Ai mà chả hay gắt gông? Gắt gông thì chính mình khổ trước... thật ra có ai muốn cau có làm chi? Vậy thì vợ hấn gắt lên với hấn lúc nãy cũng chỉ là việc thường thôi”. Với việc kết hợp độc thoại và đối thoại nội tâm trong khắc họa tính cách và thể hiện chiều sâu tâm trạng nhân vật, Nam Cao đã sử dụng một số lượng lớn trong nhiều truyện ngắn kết hợp với các dạng thức lời văn trần thuật khác miêu tả và khắc họa nhân vật. Dạng nhân vật nhiều suy tư và nặng về những trần trối bản khoán đã trở thành những nhân vật rất sống động trong những truyện thuộc kết cấu và cốt truyện tâm lý của Nam Cao.

Trong kiểu lời văn trực tiếp, bên cạnh lời đối thoại trực tiếp và lời nội tâm, truyện ngắn Nam Cao còn xuất hiện lời của cái tôi nhà văn hay chủ thể trần thuật. Trong đó những lời trữ tình ngoại đề ấy thường biểu lộ trực tiếp tư tưởng, tình cảm, và quan niệm đối với đời sống và nhân vật của tác giả hay người kể chuyện. Truyện ngắn của Nam Cao thể hiện rất rõ dấu ấn của tác giả và chủ thể trần thuật trong những lời trữ tình ngoại đề ngay cả ở những truyện được kể theo ngôi thứ ba theo điểm

nhìn vô nhân xưng. Ở mỗi truyện ngắn, ít nhiều người đọc vẫn nhận thấy bóng dáng của tác giả hay chủ thể trần thuật trong đó thông qua những lời bình luận, đánh giá những lời triết lý, hay những lời thể hiện cảm xúc của mình đan lồng trong lời thể hiện nhân vật.

Hầu hết những lời trữ tình ngoại đề trong truyện ngắn Nam Cao đều mang tính triết lý rất cao. Thông thường nhà văn không bày tỏ trực tiếp thái độ của mình trong tác phẩm vì khi ấy nó sẽ dễ làm mất đi cái phần chìm của “tầng băng trôi” mà mỗi tác phẩm cần phải có để gợi sự thích thú khám phá của người đọc. Nam Cao có sử dụng những lời trực tiếp như vậy, nhưng cái tài trong việc sử dụng kiểu lời văn này của Nam Cao ấy là ông “cô” những lời nhận xét, hay thái độ, phẩm bình của mình bằng những lời văn súc tích mang đậm tính triết lý, khiến cho truyện ngắn của ông được khơi sâu tầng ý nghĩa. Đồng thời qua đó người đọc hiểu rõ những trần trụi, những suy nghĩ của nhà văn về cuộc sống về thể thái nhân tình chứ không chỉ đơn giản là những lời trữ tình ngoại đề để dài, rườm rà kém sức biểu cảm.

Những lời trữ tình ngoại đề trong truyện ngắn của Nam Cao có khi là những lời cảm thông sâu sắc đối với nhân vật “Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta” (*Đời thừa*); “Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ che lấp mất” (*Lão Hạc*). Khi là những lời ngậm ngùi bật ra những đúc kết, những chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc sống, về sự tác động của hoàn cảnh lên nhân cách, đạo đức của con người. Và ẩn đằng sau những suy tư ấy là một cái gì nhói đau trong lòng tác giả ở những câu như: “Hỡi ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất điệu để khiến người sinh đê tiện...” (*Tư cách mõ*). Truyện ngắn Nam Cao sau năm 1945, ít khi bộc lộ lời trực tiếp mang đậm tính triết lý như vậy. Riêng ở *Đôi mắt*, chủ thể trần thuật có đôi lúc trực tiếp lên tiếng thể hiện thái độ đánh giá của mình trước cách nhìn đời và thái độ của Hoàng đối với người nông dân và với cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc: “Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản”. (*Đôi mắt*)

Có thể thấy, kiểu lời trữ tình ngoại đề trong truyện ngắn Nam Cao chủ yếu là lời của chủ thể trần thuật xen ngang với mạch trần thuật của truyện. Những đoạn trữ tình đan xen này tạo ra những khoảng dừng nghệ thuật đầy đặc dụng. Nhờ thế mà chủ thể trần thuật thể hiện một thái độ đồng cảm sâu sắc với nhân vật. Đồng thời, góp phần bổ sung và soi sáng ý nghĩa chủ đề, nội dung tư tưởng cũng như thể hiện cái nhìn, thái độ của nhà văn trước lẽ sống, nhân sinh. Có thể nói, truyện ngắn Nam Cao đã có một sự kết hợp khéo léo, đa dạng và linh hoạt giữa lời văn trực tiếp của nhân vật, của cái tôi tác giả, của chủ thể trần thuật.

2.2 Dạng lời văn gián tiếp trong truyện ngắn Nam Cao

Lời văn gián tiếp được hiểu là “lời tác giả hay lời người trần thuật do tác giả ủy quyền” (Lê Tiến Dũng, 2003). Lời văn gián tiếp có hai chức năng chính là “tái hiện và phân tích, lí giải thế giới khách vật chất, sự việc, con người, cảnh vật,... lí giải lời nói, ý thức người khác” (Phuong Lựu, 1997). Lời văn gián tiếp có thể được chia làm hai loại theo quan niệm của Bakhtin là: lời gián tiếp một giọng chính là lời của người trần thuật không có lời đan xen của nhân vật. Lời gián tiếp hai giọng lại thường có lời kể của chủ thể trần thuật xen lời nhân vật. Trong loại lời văn này lại có các dạng chính là lời nửa trực tiếp, lời gián tiếp phong cách hóa, lời gián tiếp của người kể chuyện.

Cùng với lời văn trực tiếp, lời văn gián tiếp cũng là một thành phần lời văn trần thuật nổi bật của Nam Cao. Với dạng lời văn này, nhà văn đã thể hiện được một cách đa dạng thể giới vật chất, cũng như thế giới nội tâm của con người, đồng thời cho thấy một mối liên hệ có ý nghĩa nghệ thuật giữa chúng. Ở truyện ngắn Nam Cao với kiểu lời gián tiếp một giọng xuất phát từ chủ thể trần thuật ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba theo điểm nhìn hướng ngoại dùng để miêu tả thế giới khách quan, cảnh vật bên ngoài có tác động đến suy nghĩ, tâm trạng nhân vật và một phần nhiều kiểu lời này Nam Cao dùng để miêu tả diện mạo và tính cách nhân vật. Nam Cao là nhà văn thuộc dòng văn học hiện thực phê phán. Truyện của ông không nhiều đoạn miêu tả cảnh vật lãng mạn như ở truyện ngắn của Thạch Lam, nhưng không phải là không có. Trong truyện ngắn Nam Cao, ngoại cảnh có một sự tác động nhất định đến tâm trạng và ý thức của nhân vật.

Trong *Giăng sáng*, thiên nhiên được miêu tả với một giọng “nhại” lãng mạn dưới cái nhìn của

Điền: “Có đọc văn thơ, mới biết giảng là một cái gì đẹp và quý lắm. Giảng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Giảng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Giảng tỏa mộng xuống trần gian. Giảng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Trăng! ơi trăng! Cái vù mộng tròn đầy mà thi sĩ của muôn đời mong man!”. Sự mơ mộng trước thiên nhiên này đã khiến Điền tạm thời thoát ly thực tế và anh say sưa đắm chìm trong bao nhiêu là mơ tưởng, là hoài bão. Thiên nhiên huyền ảo này cũng đối lập với bóng tối nơi trần gian cũng như cuộc sống lầm than, tù túng đang vây riết cuộc sống của Điền. Sự đối lập này tác động đến tâm trạng và nhận thức của Điền. Cuối cùng thì Điền cũng nhận ra ý nghĩa đích thực của nghệ thuật và anh sẵn sàng sống trong lao khổ, mở lòng ra đón lấy những vang động của đời.

Ở lời gián tiếp một giọng trong truyện ngắn Nam Cao, người đọc bắt gặp những đoạn miêu tả chân dung, khắc họa ngoại hình tính cách nhân vật hết sức độc đáo. Có những nhân vật Nam Cao miêu tả bằng một bút pháp tả chân sắc nét. Một trong những điển hình là chân dung Thị Nở: “Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài; thế mà hai má lại hóp vào mới thật là tai hại, nếu má phính phính thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bành muốn chen lẫn nhau với những cái môi cũng cổ to cho không thua cái mũi... đã thế những cái răng rất to lại chia ra; ý hẳn chúng nghĩ sự cần đổi chữa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dờ hơi” (*Chí Phèo*).

Bức chân dung của Hoàng hiện lên qua con mắt nhìn của Độ - chủ thể trần thuật xưng “tôi” trong *Đôi mắt* lại phản ánh trung thực lối sống của Hoàng trong những ngày kháng chiến: “Anh vẫn bước khệnh khạng, thông thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngũn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo Tây cả bộ, trông chỉ thấy chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng, trong bộ áo ngủ màu xanh nhạt, phủ một lớp áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được” (*Đôi mắt*). Đó là chân dung của một người sống trường giả, no đủ, và bàng quan với mọi sự vận động của cuộc cách mạng.

Bên cạnh lời văn gián tiếp một giọng miêu tả ngoại cảnh, khắc họa chân dung nhân vật, ta còn bắt gặp lời văn gián tiếp một giọng của chủ thể trần thuật xưng “tôi” với điểm nhìn hướng nội. Nam Cao có nhiều truyện ngắn được viết theo kiểu lời văn trần thuật này. Ở đó, truyện ngắn được trần thuật như một lời tâm sự, bộc bạch nỗi lòng của chính người trong cuộc. Những truyện ngắn như: *Cái mặt không chơi được*; *Những truyện không muốn viết*; *Mua nhà*; *Điều văn*; ... là những truyện như thế. Thực ra đây là lời trực tiếp của nhân vật xưng “tôi” trong tác phẩm, nhưng “tôi” cũng là chủ thể trần thuật trong tác phẩm nên lời trực tiếp này đã trở thành lời văn gián tiếp. Do nó là lời bộc bạch của chính người trong cuộc nên nó có một sự chân thực và sức thuyết phục riêng, và lời văn mang đậm dấu ấn của chủ thể trần thuật.

Ở *Những truyện không muốn viết* nhân vật “tôi” tâm sự, giải bày về chính cái khổ của mình trong việc lựa chọn đề tài để viết nhưng thật ra là để bộc lộ chính cái cuộc sống bức bối, ngột ngạt do cái nghèo cái túng mang lại. Chính anh tâm sự rằng: “Trợn đời tôi, tôi chỉ lo chết đói. Như thế bảo còn nghĩ đến những cái to tát làm sao được? Nguyên vọng của tôi? ấy là làm thế nào cho vợ có tiền đong gạo, mua nước mắm và mua ba xu thuốc chốc đầu của bà lang lùn về cho con”. Đó cũng là cái nỗi khổ chung của những người trí thức nghèo.

Như vậy, với kiểu lời văn trần thuật này, Nam Cao đã để chủ thể trần thuật tự bạch tất cả những nỗi lòng sâu kín của mình. Không qua điểm nhìn của một người nào khác, mà xuất phát từ điểm nhìn bên trong của chính chủ thể trần thuật, nhân vật có cơ hội giải bày tất cả những cảm xúc, bộc lộ những tâm tư, suy nghĩ, chiêm nghiệm về cuộc sống, về thế giới xung quanh. Và ẩn đằng nhau thế giới nội tâm chân thực đó, bóng dáng của cái tôi tác giả xuất hiện. Dường như cái tôi tác giả đã hóa thân vào chủ thể trần thuật để phơi bày tất cả những vi mạch tâm trạng của mình.

Đọc truyện ngắn Nam Cao, bên cạnh lời văn gián tiếp một giọng, ta còn bắt gặp một dạng lời văn tiêu biểu khác khá nổi bật trong truyện ngắn Nam Cao, đó là lời văn nửa trực tiếp - là lời văn thuộc kiểu lời văn gián tiếp hai giọng. Ở dạng lời văn nửa trực tiếp chúng ta sẽ bắt gặp lời văn gián tiếp một giọng của chủ thể trần thuật kết hợp với lời trực tiếp trong ý thức, nội tâm, cảm xúc của nhân vật. Nhưng do nó là lời tường thuật của chủ thể trần thuật nên nó trở thành lời gián tiếp. Khi ấy, điểm nhìn của chủ thể trần thuật đã hóa thân vào điểm nhìn bên trong của nhân vật để bộc lộ. Kiểu

lời văn này xuất hiện rất thường xuyên trong truyện ngắn Nam Cao trước năm 1945.

Đây là một đoạn văn thuộc kiểu lời văn nửa trực tiếp: “Vợ Lúng thấy người đau ê ẩm. Hai cánh tay dửng máu tím bầm. Mông xót như mất hẳn một lần da. Y khệnh khạng đi xuống bếp. Nồi cháo sôi lúc búc. Ui chà! Thơm quá! Mà đặc sệt rồi. Giá Y không xuống thì khê mất (Lời nửa trực tiếp). Y tra muối. Y múc một bát ăn. Ôi chao ôi! Cái cháo trai sao mà ngon đến thế (Lời nửa trực tiếp)... (Đón chồng). Lời văn miêu tả một giọng kết hợp với các lời nửa trực tiếp đặt trong cảm giác, ý thức của vợ Lúng diễn ra liên tục thể hiện một cách sinh động cái tật tham ăn tục uống của vợ Lúng.

Truyện ngắn của Nam Cao phần nhiều có sự kết hợp giữa lời nội tâm với lời kể của chủ thể trần thuật thể hiện tâm trạng nhân vật bằng lời văn nửa trực tiếp. Sự kết hợp đan xen, hài hòa ấy tạo nên một sự đa thanh cho giọng văn. Hình thức lời văn trở nên linh hoạt và không hề đơn giọng. Trong *Đời thừa*, chủ thể trần thuật hóa thân vào điểm nhìn của nhân vật Hộ để phơi bày những cảm xúc suy nghĩ của mình với người vợ đáng thương, tội nghiệp: “Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi nên mới ngủ trưa như thế. Đầu từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hấn bùi ngùi (Lời gián tiếp một giọng). Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vât và lộ ra cả đến trong giấc ngủ (Lời độc thoại nội tâm). Ở đoạn văn trên, có sự kết hợp của hai kiểu lời văn trần thuật: lời gián tiếp một giọng miêu tả tâm trạng và lời độc thoại nội tâm của Hộ, thể hiện sự thương cảm trước tướng mạo hiện ra trong giấc ngủ của Từ. Sự kết hợp các kiểu lời văn này khiến đoạn văn trở nên trầm xuống và tâm trạng chiều sâu của nhân vật được bộc lộ cảm động nhất.

Có thể thấy, dạng kết hợp lời văn gián tiếp một giọng (có vai trò thuật kể) của chủ thể trần thuật với lời nửa trực tiếp (vừa kể vừa thể hiện cảm xúc nhân vật) và lời trực tiếp của nhân vật ở dạng lời độc thoại nội tâm (bộc lộ suy nghĩ bên trong của nhân vật) đã trở nên khá phổ biến trong nhiều truyện ngắn Nam Cao. Việc sử dụng đan xen các dạng lời văn trần thuật, nhất là lời nửa trực tiếp và lời nội tâm nhân vật góp phần tạo nên những sắc thái giọng điệu đa dạng cho truyện kể. Ở đó các nhân vật bên cạnh được hiện lên qua cái nhìn của chủ thể trần thuật còn có dịp tự bộc lộ những sắc thái, cảm xúc bên trong của mình. Tính khách quan

cho câu chuyện kể vì thế được nâng lên. Và đồng thời với cách sử dụng kết hợp các kiểu lời văn này, người đọc có cơ hội tiếp cận nhân vật ở nhiều chiều kích khác nhau, nhờ thế người đọc cũng có thể khai thác ý nghĩa, tư tưởng của truyện một cách thấu đáo hơn.

Trong kiểu lời văn gián tiếp hai giọng bên cạnh lời nửa trực tiếp, ta còn bắt gặp một dạng lời văn gián tiếp hai giọng khác đó là lời gián tiếp phong cách hóa. Đây là kiểu lời văn phỏng theo lời một nhân vật nào đó, tạo ra một điểm nhìn khác bên cạnh điểm nhìn của chủ thể trần thuật vào đối tượng.

Nam Cao có một vài truyện ngắn xuất hiện kiểu lời văn trần thuật này ở những kiểu truyện được trần thuật ở ngôi thứ ba theo điểm nhìn nhân vật. Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Bài học quét nhà*, lời kể chuyện hầu hết được kể qua điểm nhìn của bé Hồng, một bé gái mới lên năm luôn được sống trong sự chăm sóc, nuông chiều của mẹ nay bỗng cảm nhận thấy mọi sự thay đổi đến với mình và những thay đổi trong hành động của cha mẹ. Đây là cảm nhận của Hồng về sự thay đổi tính cách của thầy và u: “Hồng cũng chẳng hiểu tại sao u bỗng nhiên sinh khó tính như thế vậy. Chỉ biết: đã ít lâu nay, cả thầy lẫn u đều có vẻ không vui. Thầy lúc nào cũng cau có dăm chiêu, nhất là sau khi đọc nhật trình” (*Bài học quét nhà*). Chủ thể trần thuật đã để nhân vật kể và bộc lộ những suy nghĩ của chính bản thân mình về những quan sát, nhận xét về những thay đổi của thầy u. Chủ thể trần thuật cũng khách quan đứng ngoài để Hồng tự nhận thức, tự khám phá ra nguyên nhân của những biến đổi đó.

Ở truyện ngắn Nam Cao, ta còn bắt gặp một kiểu lời văn thuộc lời gián tiếp hai giọng nữa đó là lời gián tiếp của người kể chuyện. Ở kiểu lời văn này, tác giả ủy quyền cho một nhân vật đứng ra kể chuyện. Thông thường lời của nhân vật là lời trực tiếp nhưng tác giả trao cho nhân vật đó chức năng kể chuyện nên nó là lời gián tiếp. Ở kiểu lời văn này chủ yếu tác giả trao quyền trần thuật cho chủ thể xưng tôi - Tôi này chính là người trong cuộc hoặc là tham gia vào câu chuyện hoặc là người chứng kiến nên việc kể chuyện đem đến một sức thuyết phục nhất định đối với độc giả. Những truyện ngắn như: *Điếu văn*; *Mua nhà* là những truyện mà chủ thể trần thuật kể chuyện và bộc lộ những cảm xúc riêng tư của cái tôi tác giả.

3 KẾT LUẬN

Như vậy, lời văn trần thuật trong truyện ngắn Nam Cao khá đa dạng và phong phú. Trong đó vừa

có lời trực tiếp của cái tôi tác giả (lời trữ tình ngoại đề), lời trực tiếp của nhân vật (lời đối thoại trực tiếp và lời nội tâm); lời gián tiếp một giọng và lời gián tiếp hai giọng. Những hình thức lời văn trần thuật này giúp cho Nam Cao có điều kiện tổ chức sinh động các khía cạnh phức tạp của đời sống. Nhiều tác phẩm có sự kết hợp đan xen các kiểu lời văn trần thuật. Sự kết hợp đan xen này góp phần tích cực cho việc xây dựng thành công truyện ngắn của ông. Với những kiểu lời văn bộc lộ nội tâm và cảm xúc nhân vật, Nam Cao tỏ ra tinh tế trong việc đi sâu miêu tả những diễn biến tâm trạng, những dòng tư tưởng, những khúc quanh co của số phận,... Và với những lời văn trữ tình ngoại đề mang đậm tính chất hàm súc, triết lí, tác giả bên cạnh hé lộ cho người đọc những thái độ, suy ngẫm, phẩm bình của chính mình, còn định hướng cho người đọc cách tiếp cận tác phẩm từ những chiều kích ý nghĩa mà tác giả muốn người đọc hướng tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Bakhtin, 1998. Những vấn đề thi pháp của Đốxtoiépki. NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Tiến Dũng, 2003. Giáo trình Lý luận văn học, phần Tác phẩm văn học. NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương, 1998. Lý luận văn học – vấn đề và suy nghĩ. NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Phương Lưu, 1997. Lý luận văn học. NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. G.N.Pospelov “chủ biên”, 1985. Dẫn luận nghiên cứu văn học, tập II. NXB Giáo dục, Hà Nội.